

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2020  
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kỳ Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đức Cường.

2. Bà Lê Thị Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Quảng Thanh H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**2. Bị đơn:** Anh Lê Hồng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện N, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Quảng Thanh H trình bày:**

*Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Hồng T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tự do tìm hiểu, tổ chức kết hôn theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến

năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do vợ chồng chung sống với nhau 4 năm mà vẫn không có con, chị phải chịu nhiều áp lực từ phía gia đình chồng, kinh tế gia đình lại khó khăn, anh T thường xuyên đánh chị. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Lê Hồng T.

*Về con chung:* Chị và anh Lê Hồng T không có con chung.

*Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Quảng Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng T, về con chung và tài sản chung vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn Lê Hồng T:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 155/TB-TLVA ngày 11/6/2020 và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt tại địa phương, nên Tòa án đã giao văn bản cho bà Phan Thị N (mẹ đẻ anh T). Bà N cam kết sẽ giao ngay lại cho anh T, nhưng trong thời hạn luật định anh T không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc theo Giấy triệu tập.

Ngày 01/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Lê Hồng T tại gia đình bà Phan Thị N (mẹ đẻ anh T) ở thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bà N cho biết: Lê Hồng T là con trai của bà, có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian này anh T đang có mặt tại địa phương.

Đối với quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T: Quá trình chung sống, anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn. Theo bà được biết nguyên nhân là do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, gia đình bà đã phân tích hòa giải nhưng các cháu nhưng không đoàn tụ được. Vì vậy, gia đình bà cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho 2 cháu được ly hôn.

Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh T, thông báo về phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Sau khi nhận được các văn bản này, bà đã thông báo cho anh T cũng như giao lại cho anh T khi anh T về nhà nhưng anh T không có ý kiến gì.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**\* Về tố tụng:**

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư

cách tổ tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**\* Về nội dung:**

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị Quảng Thanh H được ly hôn anh Lê Hồng T.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Quảng Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hồng T có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên chị Quảng Thanh H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Tnh Hóa giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hồng T vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Quảng Thanh H và anh Lê Hồng T thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/8/2020 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Lê Hồng T, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Lê Hồng T, tuy nhiên anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh T là đúng với quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1] Quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Hồng T và chị Quảng Thanh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị không có con chung, kinh tế gia đình lại khó khăn dẫn đến mâu thuẫn phát sinh. Khi mâu thuẫn anh, chị mỗi người một nơi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh Thanh đã biết Tòa án thụ lý vụ án nhưng anh không nộp văn bản nêu ý kiến cũng không về để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thể hiện anh không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin được ly hôn, về phía anh T thông qua trao đổi với Bà N là mẹ anh T thì anh cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Chị H và T không có con chung nên HĐXX không xem xét.

**[2.3] Về tài sản chung:** Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

**[3] Về án phí:** Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Quảng Thanh H được ly hôn anh Lê Hồng T.

**2. Về con chung và tài sản chung:** Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

**3. Về án phí:** Chị Quảng Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002124 ngày 10/6/2020, chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí.

**4. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND P.I, TP.P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Võ Kỳ Anh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đức Cường**

**Lê Thị Xuân**

**Võ Kỳ Anh**